

6
1219

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều về quy mô chăn nuôi, mật độ chăn nuôi và trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều về quy mô chăn nuôi, mật độ chăn nuôi và trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 3, khoản 14, điểm b khoản 19 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến chăn nuôi; trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên

cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trao đổi nguồn gen vật nuôi quý, hiếm tại Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ QUY MÔ CHĂN NUÔI, MẬT ĐỘ CHĂN NUÔI VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN TRAO ĐỔI QUỐC TẾ NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI CÓ TRONG DANH MỤC GIỐNG VẬT NUÔI CẤM XUẤT KHẨU ĐỂ PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRIỂN LÃM, QUẢNG CÁO; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN TRAO ĐỔI QUỐC TẾ NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI QUÝ, HIẾM CỦA VIỆT NAM CHO BÊN THỨ BA

Điều 3. Quy mô chăn nuôi

Quy mô chăn nuôi được quy định như sau:

1. Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên;
2. Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi;
3. Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi;
4. Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi.

Điều 4. Mật độ chăn nuôi

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định thành các vùng như sau để xác định mật độ chăn nuôi:

a) Vùng trung du và miền núi phía Bắc gồm 9 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La;

b) Vùng đồng bằng sông Hồng gồm 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh;

c) Vùng Bắc Trung Bộ gồm 5 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế;

d) Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên gồm 6 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng;

đ) Vùng Đông Nam Bộ gồm 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh;

e) Vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau.

2. Mật độ chăn nuôi vùng áp dụng đối với địa phương thuộc từng vùng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo, gồm:

a) Đơn đăng ký trao đổi nguồn gen giống vật nuôi theo Mẫu số 01.GVN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch nguồn gen giống vật nuôi theo Mẫu số 01.GVN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

c) Thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo về giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

d) Các văn bản khác có liên quan đến trao đổi nguồn gen giống vật nuôi (nếu có);

3. Hồ sơ trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba bao gồm:

a) Đơn đăng ký trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm theo Mẫu số 01.GVN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm cần trao đổi theo Mẫu số 01.GVN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

c) Các văn bản có liên quan đến trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm.

4. Cục Chăn nuôi và Thú y trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Cục Chăn nuôi và Thú y, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; chấp thuận trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba; trường hợp không trao đổi, chấp thuận thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Quy định tại Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi; Điều 4, Điều 5 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được tiếp nhận hồ sơ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Lưu: VT, CNTY.

BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

Phụ lục I.
MẬT ĐỘ CHĂN NUÔI CÁC VÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày.....tháng.....năm
2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Vùng	Mật độ chăn nuôi năm 2018 (ĐVN/ha)	Mật độ chăn nuôi năm 2024 (ĐVN/ha)	Mật độ chăn nuôi năm 2030 (ĐVN/ha)
1	Đồng bằng sông Hồng	1,84	1,47	2,0
2	Trung du và miền núi phía Bắc	0,47	0,50	1,2
3	Bắc Trung Bộ	0,43	0,54	1,2
4	Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	0,2	0,40	1,5
5	Đông Nam Bộ	0,76	0,95	2,0
6	Đồng bằng sông Cửu Long	0,35	0,51	1,2

Phụ lục II.

**BIỂU MẪU THỰC HIỆN THỦ TỤC CHẤP THUẬN TRAO ĐỔI QUỐC TẾ
NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI CÓ TRONG DANH MỤC GIỐNG VẬT
NUÔI CẤM XUẤT KHẨU ĐỂ PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,
TRIỂN LÃM, QUẢNG CÁO; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN
TRAO ĐỔI QUỐC TẾ NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI QUÝ,
HIẾM CỦA VIỆT NAM CHO BÊN THỨ BA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày.....tháng.....năm
2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 01.GVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI NGUỒN GEN
GIỐNG VẬT NUÔI QUÝ, HIẾM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. Tổ chức cung cấp nguồn gen

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

II. Tổ chức tiếp nhận nguồn gen

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

III. Mục đích trao đổi nguồn gen:

IV. Thời gian trao đổi:

Từ ngày.... tháng..... năm.... đến ngày.... tháng..... năm.....

V. Nội dung trao đổi:

Số lượng, khối lượng, hiện trạng nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm được trao đổi: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm)

VI. Cam kết:

Xin cam kết nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm đăng ký trên đây bảo đảm đúng với thực tế.

Thực hiện đúng pháp luật về chăn nuôi, pháp luật về thú y và các quy định hiện hành có liên quan.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét giải quyết./.

Tổ chức đăng ký trao đổi nguồn gen

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

**LÝ LỊCH NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI
QUÝ, HIẾM ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI**

(Kèm theo Đơn đăng ký trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm
ngày tháng năm)

TT	Giống vật nuôi quý, hiếm				Sản phẩm giống vật nuôi quý, hiếm		
	Tên giống	Nguồn gốc	Cơ sở đang lưu giữ	Số lượng	Loại hình nguồn gen	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
...							

Mẫu số 02.GVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI ĐỔI QUỐC TẾ NGUỒN GEN
GIỐNG VẬT NUÔI CÓ TRONG DANH MỤC GIỐNG VẬT NUÔI
CẤM XUẤT KHẨU ĐỂ PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,
TRIỂN LÃM, QUẢNG CÁO

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

I. Tổ chức cung cấp nguồn gen

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

II. Tổ chức tiếp nhận nguồn gen

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

III. Mục đích trao đổi nguồn gen:

IV. Thời gian trao đổi:

Từ ngày.... tháng..... năm.... đến ngày.... tháng..... năm.....

V. Nội dung trao đổi:

Số lượng, khối lượng, hiện trạng nguồn gen giống vật nuôi trong danh mục cấm xuất khẩu được trao đổi: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen giống vật nuôi cấm xuất khẩu)

VI. Cam kết:

Xin cam kết nguồn gen giống vật cấm xuất khẩu đăng ký trên đây bảo đảm đúng với thực tế.

Thực hiện đúng pháp luật về chăn nuôi, pháp luật về thú y và các quy định hiện hành có liên quan.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét giải quyết./.

Tên tổ chức đăng ký trao đổi nguồn gen
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

LÝ LỊCH NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI
CẨM XUẤT KHẨU ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI

TT	Giống vật nuôi cẩm xuất khẩu				Sản phẩm giống vật nuôi cẩm xuất khẩu		
	Tên giống	Nguồn gốc	Cơ sở đang lưu giữ	Số lượng	Loại hình nguồn gen	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
...							